

Số: 29/2020/QĐST-HNGĐ

Phú Lộc, ngày 05 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2020, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Hữu Q, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị Huỳnh Thị Hồng T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hữu Q và chị Huỳnh Thị Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm. Anh Q, chị T sống ly thân từ tháng 6/2014, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay anh Q, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Hữu Q và chị Huỳnh Thị Hồng T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa anh Q, chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Về con chung: Anh Trần Hữu Q và chị Huỳnh Thị Hồng T có một người con chung là cháu Trần Huỳnh Vân A, sinh ngày 31/10/2009. Anh Q, chị T thỏa thuận giao cháu Vân A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh Q, chị T là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Hữu Q và chị Huỳnh Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hữu Q và chị Huỳnh Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh Vân A, sinh ngày 31/10/2009 cho chị Huỳnh Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Hữu Q có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Hữu Q và chị Huỳnh Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Anh Trần Hữu Q, chị Huỳnh Thị Hồng T mỗi người chịu 150.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009453, AA/2013/009454 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Anh Q, chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Sang

